

# **THÀNH PHẦN LOÀI THỰC VẬT LÀM THUỐC CẦN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PÙ HOẠT**

■ **TS. Nguyễn Anh Dũng, PGS.TS. Phạm Hồng Ban**  
*Trường Đại học Vinh*

## **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trong 20 năm qua, công tác bảo tồn nguồn gen và giống cây thuốc đã thu được những kết quả khả quan, trong đó phát hiện 3.948 loài thực vật và nấm lớn dùng làm thuốc. Theo Võ Văn Chi (2012)[2], hiện nay nước ta có khoảng 4.700 loài thực vật có thể làm thuốc (90% là cây mọc tự nhiên, chỉ có gần 10% là cây trồng). Tuy nhiên, có khoảng 600 loài cây thuốc quý đang có nguy cơ tuyệt chủng. Một số loài cây thuốc quý có giá trị kinh tế và chữa bệnh cao như: Lan kim tuyến, Hoàng tinh hoa trắng, Sỉ tô, Bách bệnh, Hoàng liên chân gà, Sâm vũ diệp, Bình vôi... bị suy giảm nghiêm trọng hoặc đưa vào *Sách đỏ Việt Nam*. Nguyên nhân chính của tình trạng trên là cây thuốc bị khai thác một cách ồ ạt, tận thu, tận diệt, không được kiểm soát... Mặt khác, chưa có những chính sách ưu đãi để khuyến khích người dân bảo vệ nguồn giống cây làm thuốc.

Trước thực tế đó, được sự hỗ trợ của Chương trình nghiên cứu đa dạng sinh học Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Pù Hoạt, từ năm 2015-2016, chúng tôi đã tiến hành điều tra nguồn tài nguyên thực vật nói chung và nguồn tài nguyên cây thuốc nói riêng, nhằm lưu giữ

kho tàng nguồn gen quý. Bài báo này cung cấp những dẫn liệu về các loài cây làm thuốc quý hiếm ở KBTTN Pù Hoạt phục vụ công tác bảo tồn, phát triển, khai thác hợp lý, cũng như bảo vệ bền vững các hệ sinh thái rừng nhiệt đới.

## **II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Đối tượng là các loài thực vật làm thuốc phân bố tại KBTTN Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An. Thời gian thực hiện từ tháng 5/2015-10/2016.

Mẫu vật được thu thập và xử lý theo phương pháp nghiên cứu của Nguyễn Nghĩa Thìn (2008)[6].

Định loại được thực hiện theo phương pháp hình thái so sánh, dựa vào các tài liệu của Phạm Hoàng Hộ (2000)[4], *Thực vật chí Trung Quốc* (2003)[7].

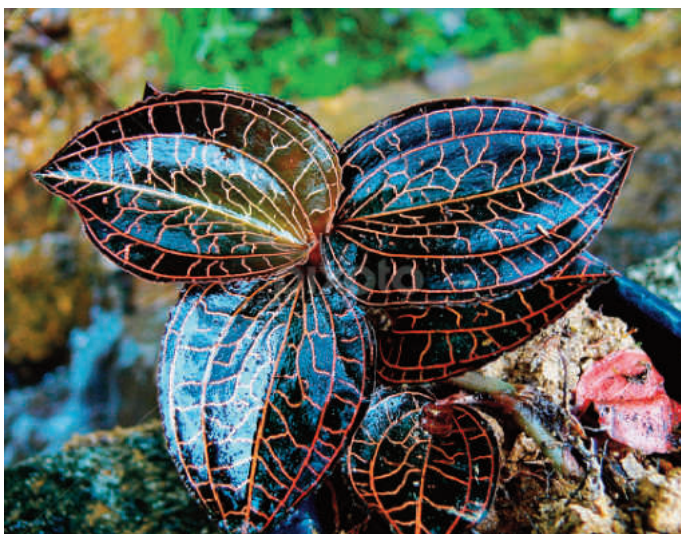
Xác định các loài bị đe dọa theo *Sách đỏ Việt Nam* (2007)[1], Nghị Định 32/NĐ-CP/2006 [3].

Xác định giá trị sử dụng làm thuốc của loài dựa vào các tài liệu: *Từ điển cây thuốc Việt Nam* của Võ Văn Chi (2012)[2]. Điều tra giá trị sử dụng theo kiến thức bản địa dựa vào phương pháp có sự tham gia của người dân (PRA: *Participatory Rural Appraisal*).

## **III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

### **1. Đa dạng các loài cây làm thuốc có nguy cơ tuyệt chủng**

Kết quả điều tra, nghiên cứu thành phần loài cây làm thuốc ở KBTTN Pù Hoạt bước đầu đã xác định được 52 loài cây thuốc có nguy cơ tuyệt chủng. Sự có mặt của các loài cây thuốc quý này tại KBTTN Pù Hoạt chứng tỏ hệ thực vật ở đây rất đa dạng, phong phú mà từ trước tới nay nhiều tài liệu của Việt Nam thống kê chưa đầy đủ và công trình nghiên cứu này của chúng tôi còn tiếp tục bổ sung thêm nữa.



Cây Lan kim tuyến

**Bảng 1. Các loài cây thuốc có nguy cơ tuyệt chủng tại KBTTN Pù Hoạt**

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Tình trạng bảo tồn		
			SDVN	NĐ32	GTSD
1	<i>Fokienia godginsii</i> A. Henry & H.H. Thomas	Pơ mu		II.A	T,E,M
2	<i>Cunninghamia konishii</i> Hayata	Sa mu đầu	VU	II.A	T,E,M
3	<i>Nageia fleuryi</i> (Hickel) de Laub.	Kim giao	VU		T,E,M
4	<i>Canarium tramdenum</i> Dai & Yakovlev	Trám đen	VU		T,F,M
5	<i>Sindora cochinchinensis</i> H. Baill.	Gỗ mật	EN	II.A	T,M
6	<i>Hopea odorata</i> Roxb.	Sao đen	EN		T,M
7	<i>Dalbergia hancei</i> Benth.	Trắc Hance	VU		T,M
8	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i> (Jack.) Meisn.	Re hương	CR	II.A	T,E,M
9	<i>Cinnamomum camphora</i> H. Lecomte	Re căm pot	VU		T,E,M
10	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte	Trâm hương	EN		T,E,M
11	<i>Podocarpus neriiifolius</i> D.Don	Thông tre lá dài	VU		T,M,E
12	<i>Markhamia stipulata</i> (Wall.) Seem. ex Schum.	Thiết đỉnh	VU		M
13	<i>Melientha suavis</i> Pierre	Rau sắng	VU		M
14	<i>Euonymus chinensis</i> Lindl.	Độ trọng nam	EN		M
15	<i>Cycas pectinata</i> Buch.-Ham.	Tuế lược	VU	II.A	M
16	<i>Rauwolfia cambodiana</i> Pierre ex Pit.	Ba gác căm pot	VU		M,E
17	<i>Dipterocarpus tuberculatus</i> Roxb.	Dầu đồng	VU		M,E
18	<i>Strychnos ignatii</i> P.J. Bergius	Mạ tiên lông	VU		M
19	<i>Strychnos lucida</i> R. Br.	Mạ tiên sắng	EN		M
20	<i>Coscinium fenestratum</i> (Gaertn.) Colebr.	Vàng đẳng	VU	II.A	M
21	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.	Hoàng đẳng		II.A	M
22	<i>Stephania hernandiifolia</i> (Willd.) Walp.	Dây mối		II.A	M
23	<i>Stephania longa</i> Lour.	Lợi tiền		II.A	M
24	<i>Stephania rotuda</i> Lour.	Củ bình		II.A	M
25	<i>Ardisia silvestris</i> Pit.	Khôi tía	VU		M
26	<i>Micromelum nitidum</i> (G.Forst.) vWight & Arn.	Kim sương	EN		M,E
27	<i>Callicarpa bracteata</i> Lam.	Từ châu lá bắc	CR		M
28	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib	Hoàng tinh cách	EN	II.A	M
29	<i>Peliosanthes teta</i> Andrews	Cầu tứ thảo	VU		M
30	<i>Curculigo orchioides</i> Gaertn.	Sâm cau	EN		M
31	<i>Anoetochilus setaceus</i> Blume	Lan gấm	EN	IA	M
32	<i>Dendrobium bilobulatum</i> Seidenf	Phiên đơn	EN		M
33	<i>Smilax elegantissima</i> Gagnep	K.C thanh lịch	VU		M
34	<i>Smilax glabra</i> Roxb.	Thổ phục linh	VU		M
35	<i>Drynaria fortunei</i> (Kuntze et Mett.) J. Sm.	Cốt bồ toái	EN		M,E
36	<i>Stemona cochinchinensis</i> Gagnep.	Bách bộ	VU		M
37	<i>Alangium tonkinense</i> Gagnep.	Thôi chanh	VU		M
38	<i>Rauwolfia micrantha</i> Hook.f.	Ba gác lá mỏng	VU		M,E
39	<i>Rauwolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.	Ba gác lá vòng	VU		M,E
40	<i>Stemona tuberosa</i> Gagnep.	Bách bộ đứng	VU		M
41	<i>Tacca subflabellata</i> P.P. Ling et C.T.Ting	Ngải lượm	VU		M,E
42	<i>Smilax petelotii</i> T. Koyama	Kim cang Petelot	CR		M
43	<i>Smilax poilanei</i> Gagnep.	Kim cang Poilanei	CR		M
44	<i>Paris chinensis</i> Franch.	Bảy lá một hoa	EN		M
45	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook.f.	Đẳng sâm	VU		M
46	<i>Morinda officinalis</i> How	Ba kích	EN		M
47	<i>Stephania brachyandra</i> Diels	Bình vôi núi cao	EN		M
48	<i>Achillea millefolium</i> L.	Cỏ thị	VU		M
49	<i>Polygonalum kingianum</i> Coll.et Hemsl.	Hoàng tinh vòng	EN		M
50	<i>Drynaria bonii</i> C.Christ	Tắc kê đá	VU		M,E
51	<i>Melodinus erianthus</i> Pit.	Dom Trung Bộ	VU		M
52	<i>Talinum paniculatum</i> (Jacq.) Gaertn.	Thỏ nhân sâm	VU	-	M,E

Ghi chú: CR: rất nguy cấp; EN: nguy cấp; VU: sẽ nguy cấp; LR: ít nguy cấp; IA: nghiêm cấm khai thác; IIA: hạn chế khai thác.

GTSD: giá trị sử dụng: M: làm thuốc; T: cho gỗ; E: cho tinh dầu; F: ăn được.

Kết quả bảng 1 cho thấy, trong 52 loài thực vật làm thuốc quý hiếm, đã xác định được ở KBTTN Pù Hoạt có trong Sách đỏ Việt Nam: 28 loài ở cấp VU (Vulnerable), 14 loài ở cấp EN (Endangered), 4 loài ở cấp CR (Critically Endangered). Theo Nghị định 32CP: 11 loài IIA hạn chế khai thác, 1 loài IA nghiêm cấm khai thác.

### 2. Đa dạng về giá trị sử dụng

Giá trị sử dụng dựa theo quá trình điều tra thực tế và dựa các tài liệu của Võ Văn Chi (2012)[2], Trần Đình Lý và cs (1993)[5]... Kết quả được trình bày ở bảng 2.

**Bảng 2. Giá trị sử dụng của các loài cây thuốc quý hiếm tại KBTTN Pù Hoạt**

TT	Giá trị sử dụng	Số loài*	Tỷ lệ (%)
1	Cây cho tinh dầu (E)	16	30,77
2	Cây cho gỗ (T)	11	21,15
3	Làm thuốc (M)	52	100
4	Cây cho quả ăn được (F)	1	1,92



Cây rễ hương

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Khoa học và Công nghệ - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007), *Sách đỏ Việt Nam*, Phần II - Thực vật, Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Võ Văn Chi (2012), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, tập 1-2, Nxb Y học, Hà Nội.
3. Chính phủ Việt Nam (2006), Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006, *Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*, Hà Nội.
4. Phạm Hoàng Hộ (1999-2000), *Cây cỏ Việt Nam*, tập 1-3, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trần Đình Lý (1993), *1900 loài cây có ích*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
6. Nguyễn Nghĩa Thìn (2008), *Phương pháp nghiên cứu thực vật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Pitard in Lecomte, 1923. *Flore Generale de L'Indo-Chine*, Pari, 3: 44-53.

Kết quả bảng 2 cho thấy, cây làm thuốc với 52 loài (chiếm 100%), tiếp đến là cây cho tinh dầu với 16 lượt loài (chiếm 30,77%), cây cho gỗ có 11 lượt loài (chiếm 21,15%), thấp nhất là cây cho quả ăn với 1 loài (chiếm 1,92%). Như vậy, trong các nhóm giá trị sử dụng thì nhóm cây thuốc quý hiếm có 52 loài, trong đó có 16 lượt loài cho tinh dầu và 11 loài cho gỗ quý như loài: Pơ mu (*Fokienia godginsii*), Sa mu dầu (*Cunninghamia konishii*), Kim giao (*Nageia fleuryi*), Gõ mật (*Sindora cochinchinensis*), Sao đen (*Hopea odorata*), Re hương (*Cinnamomum parthenoxylon*), Thông tre lá dài (*Podocarpus neriifolius*). Đây là những loài cho gỗ tốt, có giá trị xuất khẩu lớn, là những loài cây tham gia tổ thành thảm thực vật quan trọng ở các khu rừng nhiệt đới nên cần được bảo vệ nghiêm ngặt.

### IV. KẾT LUẬN

- Đã xác định được 52 loài cây thuốc quý hiếm ở KBTTN Pù Hoạt, trong đó theo Sách đỏ Việt Nam: 28 loài ở cấp VU, 14 loài ở cấp EN, 4 loài ở cấp CR; theo Nghị định 32/CP: 11 loài IIA: hạn chế khai thác, 1 loài IA: nghiêm cấm khai thác.

- Cây làm thuốc với 52 loài (chiếm 100%), tiếp đến là cây cho tinh dầu với 16 loài (chiếm 30,77%), cây cho gỗ có 11 loài (chiếm 21,15%), thấp nhất là cây cho quả ăn được với 1 loài (chiếm 1,92%).

- Đề nghị bảo vệ nghiêm ngặt các loài cây thuốc quý hiếm trên và phát triển đi đôi với khai thác hợp lý, đảm bảo phát triển bền vững cho hệ sinh thái rừng KBTTN Pù Hoạt./.